

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



(Kèm theo Thông báo số 921/TB-ĐHTN ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP KHÔNG BỔ SUNG KIẾN THỨC,
NGÀNH PHÙ HỢP CÓ BỔ SUNG KIẾN THỨC CỦA CÁC NGÀNH DỰ
TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ⁽¹⁾**

Stt	Ngành dự tuyển	Ngành đại học phù hợp Không học bổ sung kiến thức	Ngành phù hợp có bổ sung kiến thức	
			Tên ngành Đại học	Môn học bổ sung/ số tín chỉ
1	Toán giải tích	1. Toán học 2. Toán cơ 3. Toán ứng dụng 4. Sư phạm Toán 5. Thống kê 6. Toán Tin 7. Sư phạm Toán Tin		
2	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	1. Sư phạm Vật lý 2. Vật lý học 3. Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Nhóm ngành 1: 1. Sư phạm Khoa học Tự nhiên 2. Sư phạm kỹ thuật công nghiệp Nhóm ngành 2: 1. Vật lý kỹ thuật 2. Thiên văn học 3. Cơ học 4. Khoa học vật liệu 5. Kỹ thuật hạt nhân	1. Toán cho vật lý (2 TC) 2. Cơ học lượng tử (2 TC) 1. Cơ học lượng tử (2 TC)
3	Sinh học thực nghiệm	1. Công nghệ sinh học 2. Sinh học 3. Sư phạm sinh học 4. Sinh học ứng dụng 5. Kỹ thuật sinh học	Nhóm ngành 1: 1. Sư phạm Khoa học tự nhiên Nhóm ngành 2: 1. Công nghệ thực phẩm 2. Kỹ thuật thực phẩm 3. Công nghệ sau thu hoạch 4. Công nghệ chế biến thủy sản 5. Đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm Nhóm ngành 3: 1. Nông nghiệp	1. Công nghệ sinh học (2TC) 1. Sinh học phân tử (2TC)



Handwritten signature

			2. Khuyến nông 3. Khoa học đất 4. Nông học 5. Khoa học cây trồng 6. Bảo vệ thực vật 7. Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan 8. Chăn nuôi Nhóm ngành 4: 1. Nuôi trồng thủy sản 2. Bệnh học thủy sản 3. Khoa học thủy sản 4. Khai thác thủy sản 5. Quản lý thủy sản Nhóm ngành 5: 1. Thú y Nhóm ngành 6: 1. Kỹ thuật xét nghiệm y học	1. Công nghệ sinh học (2TC) 2. Sinh học phân tử (2TC) 3. Sinh lý thực vật (2TC) 1. Công nghệ sinh học (2TC) 2. Sinh học phân tử (2TC) 3. Sinh lý thực vật (2TC) 1. Công nghệ sinh học (2TC) 2. Sinh học phân tử (2TC) 3. Sinh lý thực vật (2TC) 1. Công nghệ sinh học (2TC) 2. Sinh học phân tử (2TC) 3. Sinh lý thực vật (2TC)
4	Chăn nuôi	1. Chăn nuôi 2. Chăn nuôi Thú y 3. Thú y	1. Nuôi trồng thủy sản 1. Sự phạm kỹ thuật nông lâm 2. Sinh học 3. Công nghệ sinh học	1. Chọn lọc và nhân giống vật nuôi (2TC) 2. Chăn nuôi trâu bò (2TC) 1. Chọn lọc và nhân giống vật nuôi (2TC) 2. Sinh lý Động vật (3TC) 3. Sinh hóa Động vật (3TC) 4. Dinh dưỡng và thức ăn gia súc (3TC) 5. Giải phẫu Động vật (2TC) 6. Chăn nuôi trâu bò (2TC)
5	Thú y	1. Thú y 2. Chăn nuôi 3. Chăn nuôi Thú y 3. Dược thú y	Không	

6	Ngôn ngữ học	1. Ngôn ngữ học 2. Sư phạm Ngữ văn 3. Văn học	1. Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam 2. Hán Nôm 3. Việt Nam học 4. Ngoại ngữ 5. Đông Phương học 6. Nhân học (chuyên ngành nhân học ngôn ngữ) 7. Báo chí – Truyền thông (các chuyên ngành Ngôn ngữ báo chí và Biên tập xuất bản)	1. Dẫn luận ngôn ngữ học (02 TC) 2. Ngữ âm học tiếng Việt (02 TC) 3. Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt (02 TC) 4. Ngữ pháp tiếng Việt (02 TC) 5. Phong cách học tiếng Việt (02 TC) 6. Ngữ dụng học (02 TC)
7	Khoa học y sinh	Bác sỹ đa khoa	Nhóm 1: Cử nhân xét nghiệm Nhóm 2: 1. Bác sỹ y học dự phòng 2. Y tế công cộng 3. Y học cổ truyền 4. Dược học 5. Quản lý bệnh viện 6. Cử nhân sinh học 7. Sư phạm sinh học 8. Công nghệ sinh học 9. Các ngành khác thuộc khối sức khỏe	1. Da liễu (2TC) 2. Lao (2TC) 3. Phương pháp NCKH (2TC) 4. Sức khỏe môi trường (2TC) 1. Da liễu (2TC) 2. Lao (2TC) 3. Phương pháp NCKH (2TC) 4. Thuốc và phát đồ điều trị giun sán (2 TC) 5. Sức khỏe môi trường (2TC) 6. Vi nấm (2TC)
8	Khoa học cây trồng	1. Nông nghiệp 2. Khoa học cây trồng 3. Nông học 4. Bảo vệ thực vật	Nhóm 1: 1. Khuyến nông 2. Công nghệ rau, hoa quả và cảnh quan Nhóm 2: 1. Phát triển nông thôn 2. Lâm sinh 3. Lâm nghiệp 4. Lâm nghiệp đô thị 5. Nông lâm kết hợp	Nhóm 1: 1. Cây cà phê (2TC) 2. Cây cao su (2TC) Nhóm 2: Chọn 6TC - 8TC trong các HP sau: 1. Nông hóa (2TC) 2. Giống cây trồng (2TC) 3. Sinh lý thực vật (2TC) 4. Cây cà phê (2TC) 5. Cây cao su (2TC) 6. Cây lúa (2TC)

Đạt

			Nhóm 3: 1. Công nghệ sinh học 2. Sinh học ứng dụng 3. Sư phạm sinh học 4. Cử nhân sinh học 5. Quản lý tài nguyên và môi trường 6. Khoa học môi trường Nhóm 4: 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Kinh tế nông thôn 3. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7. Cây rau (2TC) 8. Cây ăn quả (2TC) Nhóm 3: Chọn 8-10 TC trong các HP sau: 1. Giống cây trồng (2TC) 2. Nông hóa (2TC) 3. Thổ nhưỡng (2TC), 4. Sinh lý thực vật (2TC) 5. Bệnh cây nông nghiệp (2TC) 6. Cây ăn quả (2TC) 7. Cây rau (2TC) 8. Cây cà phê (2TC) 9. Cây cao su (2TC) 10. Côn trùng nông nghiệp(2TC). Nhóm 4: Chọn 10-12 TC trong các HP sau: 1. Giống cây trồng (2TC) 2. Nông hóa (2TC) 3. Thổ nhưỡng (2TC), 4. Sinh lý thực vật (2TC) 5. Bệnh cây nông nghiệp (2TC) 6. Cây ăn quả (2TC) 7. Cây rau (2TC) 8. Cây cà phê (2TC) 9. Cây cao su (2TC) 10. Côn trùng nông nghiệp(2TC).
9	Lâm học	1. Lâm nghiệp 2. Lâm Sinh 3. Lâm học 4. Quản lý tài nguyên rừng 5. Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Nhóm 1: Quản lý bảo vệ rừng Nhóm 2: 1. Nông Lâm kết hợp 2. Lâm nghiệp đô thị	Nhóm 1: 1. Quy hoạch LN điều chế rừng (2TC) 2. Trồng rừng (2TC) Nhóm 2: Chọn 6 – 8 TC trong các HP sau: 1. Sinh thái rừng (2TC) 2. Kỹ thuật lâm sinh (2TC) 3. Điều tra rừng (2TC) 4. Động vật rừng (2TC)

pl

			Nhóm 3: 1. Nông nghiệp 2. Khuyến Nông 3. Nông học 4. Khoa học Cây trồng 5. Bảo vệ thực vật 6. Công nghệ rau, hoa quả và cảnh quan 7. Phát triển nông thôn 8. Quản lý đất đai. Nhóm 4: 1. Sư phạm sinh học 2. Cử nhân sinh học 3. Quản lý tài nguyên và môi trường 4. Khoa học môi trường. Nhóm 5: 1. Kinh tế nông nghiệp 2. Kinh tế nông thôn, 3. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	5. Giống cây rừng (2TC) 6. Quy hoạch LN và điều chế rừng (2TC). Nhóm 3: Chọn 8 – 10 TC trong các HP sau: 1. Sinh thái rừng (2TC) 2. Cây rừng (2TC) 3. Kỹ thuật lâm sinh (2TC) 4. Điều tra rừng (2TC) 5. Trồng rừng (2TC) 6. Động vật rừng (2TC) 7. Giống cây rừng (2TC) 8. Quy hoạch LN và điều chế rừng (2TC), Nhóm 4: Chọn 10 – 12 TC trong các HP sau: 1. Cây rừng (2TC) 2. Đất và phân bón (2TC) 3. Kỹ thuật lâm sinh (2TC) 4. Điều tra rừng(2TC) 5. Trồng rừng (2TC), 6. Động vật rừng (2TC) 7. Giống cây rừng 8. Quy hoạch LN và điều chế rừng (2TC), Nhóm 5: Chọn 12-14 TC trong các HP sau: 1. Cây rừng (2TC) 2. Đất và phân bón (2TC) 3. Kỹ thuật lâm sinh (2TC) 4. Điều tra rừng(2TC) 5. Trồng rừng (2TC), 6. Động vật rừng (2TC) 7. Giống cây rừng 8. Quy hoạch LN và điều chế rừng (2TC) 9. Sinh lý thực vật (2TC) 10. Sinh thái rừng (2TC).
--	--	--	--	--

al

10	Kinh tế nông nghiệp	1. Kinh tế nông nghiệp 2. Kinh tế nông lâm	Nhóm 1: <i>1.1. Khối ngành Kinh tế học:</i> Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế. <i>1.2. Khối ngành Kinh doanh và quản lý:</i> Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án. Nhóm 2: Nông nghiệp, Khuyến nông, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển nông thôn.	Kinh tế nông nghiệp (2TC) 1. Kinh tế vi mô (2TC) 2. Kinh tế vĩ mô (2TC) 3. Toán kinh tế (2TC)
11	Quản lý kinh tế		Nhóm 1: <i>Khối ngành Kinh tế học:</i> Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế. <i>Khối ngành Kinh doanh và quản lý:</i> Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính– Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa	Nhóm 1: 1. Khoa học quản lý (2TC) 2. Quản lý công (2TC)

al

		học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Quản lý xây dựng, Kinh tế xây dựng, Kinh tế Nông nghiệp, Kinh doanh Nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai. Nhóm 2: Các ngành không thuộc ngành đúng, ngành phù hợp khác. (Ngành khác có ít nhất 2 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực quản lý kinh tế)	Nhóm 2: 1. Khoa học quản lý (2 TC) 2. Quản lý công (2 TC) 3. Kinh tế vi mô (2 TC) 4. Kinh tế vĩ mô (2 TC) 5. Nguyên lý thống kê (2 TC)
--	--	---	---

⁽¹⁾Theo đề nghị của Hội đồng Khoa có đào tạo trình độ thạc sĩ.

